

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH H

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Xuân Hùng.
2. Ông Nguyễn Xuân Khải.

Căn cứ vào điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 2, điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 1, khoản 6 Điều 15; khoản 8, khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST- DSST ngày 04 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Trương Văn H, sinh năm 1944
HKTT: A531, Khu phố 1, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN.
Nơi ở hiện nay: Thôn VN, xã NLThị xã M, tỉnh H.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Trương Thái H, sinh năm 1972.

HKTT: Thôn VN, xã NLthị xã M, tỉnh H.

(Theo Hợp đồng ủy quyền số chứng thực: 23/2024 quyền số: 01/2024-SCT/HĐ,GD ngày 08/05/2024).

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D– Luật sư Công ty Luật TNHH Ánh D– thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.

* **Bị đơn:** Ông Trương Thế Q, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Thôn VN, xã NLThị xã M, tỉnh H.

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:*

1- Ông Bùi Đình S- Luật sư Văn phòng luật sư Phúc Sơn - thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.

2- Ông Nguyễn Hùng P- Luật sư Văn phòng luật sư Phúc Sơn - thuộc Đoàn luật sư tỉnh H.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1- Bà Trương Thị T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn AĐ, xã TH, huyện BG, tỉnh D.

2- Ông Trương Văn N, sinh năm 1950.

3- Ông Trương Văn T, sinh năm 1958.

Đều có địa chỉ: Thôn VN, xã NL, Thị xã M, tỉnh H.

4- Bà Trương Thị N, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn XD, xã XD, Thị xã M, tỉnh H.

5- Bà Trương Thị H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn AĐ, xã TH, huyện BG, tỉnh D.

6- Chị Trương Thị M, sinh năm 1967 (*Chị M là con gái của liệt sĩ Trương Quốc T*).

Địa chỉ: Thôn Xuân Bản, xã XD, thị xã M, tỉnh H.

7 - Anh Trương Thái H, sinh năm 1972 (*Anh Hợp có yêu cầu độc lập đối với bị đơn ông Trương Thế Q*).

HKTT: Thôn VN, xã NLthị xã M, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 141/6/3A, Khu phố 4, phường PM, thành phố TDM, tỉnh BD.

+ *Người đại diện theo uỷ quyền của anh Hợp:* Bà Nguyễn Thị Đơn, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn VN, xã NL, thị xã M, tỉnh H.

(*Theo Giấy uỷ quyền số công chứng: 00000692, quyền số: 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/05/2022*).

2/- Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Các đương sự xác định: Di sản thừa kế của cụ Trương Văn T và cụ Nguyễn Thị B là thửa đất số 192, tờ bản đồ số 17, diện tích 377.6m² nằm tại thôn VN, xã NL, thị xã M, tỉnh H.

+ Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự về việc không yêu cầu áp dụng thời hiệu thừa kế đối với phần di sản thừa kế của cụ Trương Văn T đã hết thời hiệu và gộp phần di sản của cụ Thực vào phần di sản của cụ Nguyễn Thị B để chia thừa kế toàn bộ di sản thừa kế của hai cụ Trương Văn T và Nguyễn Thị B là thửa đất số 192, tờ bản đồ số 17, diện tích 377.6m² tại thôn VN, xã NL, thị xã M,

tính H theo quy định của pháp luật và chia giá trị các kỷ phần thừa kế bằng tiền thành 08 kỷ phần bằng nhau, cụ thể:

- Giá trị quyền sử dụng đất $01m^2 = 7.500.000đ$ (*Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*). Tính theo giá trị thừa đất là $377.6m^2 \times 7.500.000đ = 2.832.000.000đ$ (*Hai tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu đồng*)/ 08 kỷ phần = $354.000.000đ$ (*Ba trăm năm mươi tư triệu đồng*)/ 01 kỷ phần.

- Ông Trương Văn H, ông Trương Thế Q, bà Trương Thị T, ông Trương Văn N, ông Trương Văn T, bà Trương Thị N, bà Trương Thị H, chị Trương Thị M được nhận mỗi người bằng một kỷ phần tương ứng với số tiền $354.000.000đ$ (*Ba trăm năm mươi tư triệu đồng*)/ 01 kỷ phần.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị T, ông Trương Văn N, ông Trương Văn T, bà Trương Thị N, bà Trương Thị H, chị Trương Thị M xin nhường kỷ phần của mình được hưởng cho ông Trương Văn H, ông Trương Văn H đồng ý nhận các kỷ phần thừa kế do những người trên tự nguyện nhường lại cho ông H; Ông Trương Văn H có trách nhiệm thanh toán trả ông Trương Thế Q số tiền $354.000.000đ$ (*Ba trăm năm mươi tư triệu đồng*) tương ứng với 01 kỷ phần của ông Trương Thế Q được hưởng.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Thái H - Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu giải quyết đối với các khoản chi phí thẩm định, định giá tài sản và trưng cầu giám định mà nguyên đơn đã bỏ ra.

* Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trương Thái H: Anh Trương Thái H yêu cầu ông Trương Thế Q phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Trương Thái H số tiền $85.000.000đ$ (*Tám mươi lăm triệu đồng*) tiền ông Q bán đất cho anh H và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Q với anh H bị vô hiệu.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Thái H: Rút một phần yêu cầu độc lập về việc đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và ông Q bị vô hiệu.

+ Ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận của anh Trương Thái H với ông Trương Thế Q là ông Trương Thế Q chỉ phải thanh toán cho anh Trương Thái H số tiền $54.000.000đ$ (*Năm mươi tư triệu đồng*) trong tổng số tiền $85.000.000đ$ (*Tám mươi lăm triệu đồng*) mà anh Hợp đã bỏ ra mua phần đất mà ông Q bán cho anh H.

* Về án phí:

- Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Văn H, ông Trương Thế Q, bà Trương Thị T, ông Trương Văn N, ông Trương Văn T, bà Trương Thị N, chị Trương Thị H, chị Trương Thị M.

- Anh Trương Thái H phải chịu $1.350.000đ$ (*Một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền $2.125.000đ$ (*Hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) anh Hợp đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí số 0013090 ngày 22/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh H. Trả lại anh Trương Thái H số tiền 775.000đ còn thừa theo biên lai trên tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M.

3/- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh H;
- Các đương sự;
- Người đại diện theo ủy quyền;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA